CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH Y SỸ

(Ban hành theo Quyết định số 87/2020 /QĐ-TCQTMK ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Quốc tế Mekong)

Mã MH	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**12**	**255**	**98**	**145**	**12**
MH01	Chính trị	2	30	28	0	2
MH02	Pháp luật	1	15	14	0	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	0	29	1
MH04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	14	29	2
MH05	Tin học	2	45	14	29	2
MH06	Ngoại ngữ	4	90	28	58	4
II	**Các môn học/mô đun chuyên môn**	**50**	**1395**	**434**	**899**	**62**
II.1	***Các môn học/mô đun cơ sở***	**12**	**210**	**140**	**58**	**12**
MH07	Giải phẫu - Sinh lý	2	45	14	29	2
MH08	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	30	28	0	2
MH09	Điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng	2	45	14	29	2
MH10	Dược lý	2	30	28	0	2
MH11	Vệ sinh phòng bệnh – Kỹ năng giao tiếp & Giáo dục sức khỏe	2	30	28	0	2
MH12	Tổ chức và quản lý y tế	2	30	28	0	2
II.2	***Các môn học/mô đun chuyên môn***	**24**	**435**	**266**	**145**	**24**
MH13	Bệnh Nội khoa	3	60	28	29	3
MH14	Bệnh Ngoại khoa	3	60	28	29	3
MH15	Sức khoẻ trẻ em	2	30	28		2
MH16	Sức khoẻ sinh sản	2	45	14	29	2

Mã MH	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH17	Bệnh truyền nhiễm - xã hội	3	45	42		3
MH18	Bệnh chuyên khoa	2	30	28		2
MH19	Y tế cộng đồng	2	30	28		2
MH20	Y học cổ truyền	3	60	28	29	3
MH21	Dinh dưỡng an toàn vệ sinh thực phẩm	2	30	28		2
MH22	Phục hồi chức năng	2	45	14	29	2
II.3	***Thực tập (Bệnh viện, Cộng đồng)***	**12**	**720**	**0**	**696**	**24**
MH23	Thực tập lâm sàng bệnh học Nội khoa	2	120		116	4
MH24	Thực tập lâm sàng bệnh học Ngoại khoa	2	120		116	4
MH25	Thực tập lâm sàng Nhi khoa	2	120		116	4
MH26	Thực tập lâm sàng Sản khoa	1	60		58	2
MH27	Thực tập lâm sàng bệnh Truyền nhiễm	1	60		58	2
MH28	Thực tập Cộng đồng	1	60		58	2
MH29	Thực tập lâm sàng Y học cổ truyền	1	60		58	2
MH30	Thực tập Phục hồi chức năng	1	60		58	2
MH31	Thực tập bệnh chuyên khoa	1	60		58	2
II.4	***Môn học tự chọn (chọn 1 trong 2)***	**2**	**30**	**28**	**0**	**2**
MH32	Kỹ năng giao tiếp	2	30	28		2
MH33	Khởi tạo doanh nghiệp	2	30	28		2
Tổng cộng (I+II)		**62**	**1650**	**532**	**1044**	**74**